

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

DOÃN KHÁNH TÀI

**NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG
XANH TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ**

Mã số: 9310110



HÀ NỘI – 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

Đại diện người hướng
dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Toàn
2. TS. Nguyễn Thị Miên



Phản biện 1:.....
.....

Phản biện 2:.....
.....

Phản biện 3:.....
.....

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá cấp Học viện họp tại Học viện
Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi:giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

**Có thể tìm hiểu Luận án tại Thư viện Quốc gia và Thư viện Học viện Chính
trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thế giới ngày nay đang chứng kiến sự cạnh tranh địa chính trị gay gắt, xung đột vũ trang, chiến tranh thương mại và bảo hộ mậu dịch giữa các quốc gia phát triển, cùng với biến đổi khí hậu (BĐKH) và thời tiết cực đoan, suy thoái môi trường. Những yếu tố này buộc các quốc gia và doanh nghiệp phải thay đổi tư duy phát triển từ tăng trưởng thuần túy sang phát triển bền vững (PTBV) và xu thế phát triển xanh nhằm hướng đến một nền kinh tế xanh (KTX) dường như đã trở thành một xu thế tất yếu của thời đại.

Việt Nam được đánh giá là một trong những Quốc gia có nguy cơ chịu tác động nặng nề BĐKH, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định phát triển KTX, tín dụng xanh (TDX) và chuyển đổi mô hình kinh tế từ nâu sang xanh, tuần hoàn, phát thải thấp là xu hướng tất yếu, không thể đảo ngược, là lựa chọn chiến lược, lâu dài. TDX là công cụ quan trọng để NHTM kiểm soát rủi ro tín dụng phát sinh từ các yếu tố liên quan đến môi trường như: rủi ro pháp lý, dòng tiền, tài sản bảo đảm,... Việc phát triển TDX góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, uy tín và khả năng tiếp cận nguồn vốn quốc tế, phù hợp với xu thế ESG toàn cầu.

Để nghiên cứu và tìm ra các giải pháp để thúc đẩy phát triển TDX thì cần phải tìm hiểu, nghiên cứu và xác định rõ được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX tại các NHTM. Từ đó, đề xuất các giải pháp thúc đẩy sự phát triển của TDX tại các NHTM ở Việt Nam trong thời gian tới, góp phần BVMT và PTBV.

Xuất phát từ thực tế đó, việc nghiên cứu, đánh giá một cách sâu sắc, toàn diện trên cả phương diện định tính và định lượng phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng, tác động đến phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam đã trở thành nhu cầu cấp bách, nhằm thúc đẩy các NHTM đổi mới mô hình tăng trưởng, phục vụ cho việc xây dựng và phát triển nền KTX, PTBV. Do vậy, tác giả lựa chọn đề tài **“Nhân tố ảnh hưởng tới phát triển tín dụng xanh tại các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam”** làm đề tài

nghiên cứu luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

2.1.1. Mục đích chung

Mục đích nghiên cứu của Luận án là tìm ra các giải pháp góp phần phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam trong thời gian tới theo hướng tăng trưởng bền vững.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

(1) Xác định các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam;

(2) Đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam;

(3) Đề xuất hàm ý chính sách, một số giải pháp góp phần phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam trong thời gian tới theo hướng tăng trưởng bền vững.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực đạt được mục tiêu trên, Luận án tiến hành thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan các nghiên cứu và làm rõ cơ sở lý luận về nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX tại các NHTM.
- Xây dựng mô hình, thang đo và xác định các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam.
- Đánh giá thực trạng các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam.
- Đề xuất được định hướng, một số giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam.

2.3. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu nêu trên, nghiên cứu này cần phải trả lời được các câu hỏi như sau:

- Nhân tố nào ảnh hưởng tới sự phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam?

- Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới sự phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam là như thế nào?

- Định hướng và một số giải pháp để thúc đẩy phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam là gì?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX tại các NHTM.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về phạm vi nội dung: Nghiên cứu và phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam.

- Về không gian: Luận án giới hạn phạm vi không gian nghiên cứu là 14 NHTM có tầm quan trọng trong hệ thống theo Quyết định số 538/QĐ-NHNN ngày 27/3/2024 phê duyệt Nhóm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống năm 2024. Luận án không nghiên cứu các ngân hàng chính sách (Ngân hàng phát triển Việt Nam - VDB, Ngân hàng chính sách xã hội - NHCSXH), các chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam và một số TCTD khác như: Tổ chức Tài chính vi mô (TCTCVM), Quỹ tín dụng Nhân dân (QTDND) hay Công ty tài chính (CTTC)

- Về thời gian: Đánh giá phát triển TDX cũng như thực trạng các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam, sử dụng dữ liệu thứ cấp trong giai đoạn 2018-2025.

- Về chủ thể phát triển TDX tại các NHTM: Có nhiều chủ thể tham gia phát triển TDX, tuy nhiên, Luận án này tiếp cận dưới góc độ lý thuyết hệ sinh thái kinh doanh của Moore, J. F. (1993) với chủ thể quản lý nhà nước là Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đóng vai trò trung tâm, ban hành các cơ chế, chính sách để khuyến khích các NHTM thực hiện cho vay xanh, phát triển TDX.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam và các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam, nghiên cứu sinh sử dụng

kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng. Ngoài ra, Luận án còn sử dụng thêm một số phương pháp khác như: Thống kê, Mô tả, Tổng hợp, So sánh. Cụ thể:

5. Đóng góp mới của Luận án

5.1. Về mặt lý luận

Một là, Luận án đã làm rõ khái niệm của TDX theo nghĩa hẹp là khái niệm được sử dụng một cách thống nhất, xuyên suốt trong Luận án.

Hai là, Luận án cũng đã làm rõ nội dung phát triển TDX tại các NHTM.

Ba là, Luận án đã xây dựng mô hình, xác định các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX tại các NHTM và kiểm định chiều hướng, mức độ tác động của các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX tại 14 NHTM có tầm quan trọng trong hệ thống theo Quyết định số 538/QĐ-NHNN ngày 27/3/2024 phê duyệt Nhóm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống năm 2024.

5.2. Về mặt thực tiễn

Một là, Luận án đã cung cấp các thông tin quan trọng, ý nghĩa liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX tại 14 NHTM có tầm quan trọng hàng đầu ở Việt Nam được tiếp cận dưới góc độ lý thuyết hệ sinh thái kinh doanh của Moore, J. F.

Hai là, kết quả nghiên cứu của Luận án đã chỉ ra được chiều hướng và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố tới phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam trong bối cảnh các cơ chế, chính sách của NHNN về TDX đang dần hoàn thiện.

Ba là, Luận án cung cấp các bằng chứng thực tiễn và nhóm các giải pháp khả thi nhằm thúc đẩy phát triển TDX trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh cải cách thể chế, tinh gọn bộ máy và chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

6. Kết cấu của luận án

Luận án kết cấu gồm 05 Chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận về nhân tố ảnh hưởng tới phát triển tín dụng

xanh tại các ngân hàng thương mại

Chương 3: Quy trình và phương pháp nghiên cứu

Chương 4: Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

Chương 5: Định hướng và một số giải pháp để phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan nghiên cứu về tín dụng xanh

1.1.1. Nghiên cứu về tài chính xanh

Theo Scholtens và Dam, thuật ngữ TCX có nguồn gốc từ Nguyên tắc Xích đạo (EP) do Tập đoàn tài chính quốc tế (IFC) đề xuất năm 2003 cùng với khái niệm TDX, trong đó kêu gọi các tổ chức tài chính xem xét các yếu tố môi trường và xã hội trong hoạt động đầu tư và tài trợ.

Theo John Barner and Tingcun Han, TCX được định nghĩa là các sản phẩm và dịch vụ tài chính, được xem xét đến các yếu tố môi trường trong suốt quá trình ra quyết định cho vay, giám sát sau giải ngân và quản lý rủi ro, nhằm thúc đẩy đầu tư có trách nhiệm với môi trường, khuyến khích các dự án, công nghệ thải carbon thấp.

Bên cạnh đó, theo Nguyễn Thị Minh Huệ và cộng sự khái quát rằng TCX chính là các hoạt động tài chính nhằm mục đích tìm kiếm nguồn tài trợ, thực hiện cơ hội kinh doanh hoặc các phương án sản xuất hàng hóa, dịch vụ thân thiện với môi trường của doanh nghiệp, trong đó có việc sử dụng vốn TDX và thực hiện đầu tư xanh.

1.1.2. Nghiên cứu về ngân hàng xanh

Theo Kaeufer, NHX là việc xanh hóa các hoạt động cung cấp dịch vụ của ngân hàng, bao gồm cả hoạt động nội bộ và các hoạt động nghiệp vụ.

Theo nghiên cứu của Trần Thị Thanh Tú và cộng sự, một ngân hàng được coi là xanh khi thỏa mãn cả 02 điều kiện: (1) Về ngắn hạn là cung cấp các dịch

vụ xanh; (2) Về dài hạn thì có một chiến lược kinh doanh dài hạn đáp ứng các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội, tiêu chuẩn về đảm bảo môi trường.

Tác giả Ngô Anh Phương, một ngân hàng được xem là NHX khi cung cấp các dịch vụ gắn với các cam kết về môi trường hoặc đầu tư cho vay sản xuất xanh, sạch.

Tác giả Park và Kim nêu khái quát về khái niệm NHX là *“Ngân hàng xanh được định nghĩa là các hoạt động tài trợ của các tổ chức tài chính ngân hàng và phi ngân hàng nhằm mục đích giảm phát thải khí nhà kính và tăng khả năng phục hồi của xã hội trước những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đồng thời xem xét các mục tiêu phát triển bền vững khác như kinh tế, tăng trưởng, tạo việc làm và bình đẳng giới.”*.

1.1.3. Nghiên cứu về tín dụng xanh

Theo Motoko Aizawa và Chaofei Yang, khái niệm TDX giống như khái niệm tài chính bền vững khi được sử dụng như là công cụ tài chính để ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu những thách thức, rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội.

Lại Văn Mạnh và cộng sự đã đưa ra khái niệm như sau: TDX được hiểu là việc các tổ chức tín dụng cho vay đối với các nhu cầu tiêu dùng, đầu tư, sản xuất kinh doanh mang lại lợi ích về môi trường, góp phần bảo vệ hệ sinh thái, đa dạng sinh học chung.

Đặng Thị Minh Nguyệt và cộng sự đã đưa ra khái niệm TDX là các khoản tín dụng được cấp bởi NHTM cho các dự án sản xuất, kinh doanh xanh, không tạo ra rủi ro cho môi trường nhằm đối mặt với những thách thức của môi trường và xã hội.

Tổng quát hơn, Nguyễn Đình Hoàn và Nguyễn Hồng Quang khi nghiên cứu về phát triển TDX tại các NHTM Việt Nam đã tổng quan ngắn gọn về khái niệm TDX của các nghiên cứu trên thế giới theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp, cụ thể:

Theo nghĩa rộng: TDX đồng nghĩa với các khoản vay xanh dùng để tài trợ hoặc tái tài trợ một phần hoặc toàn bộ các dự án xanh (theo Hiệp hội Thị trường

nợ - LMA). Các khoản vay xanh có thể là các khoản vay có kỳ hạn hoặc các khoản vay tuần hoàn.

Theo nghĩa hẹp: TDX là một loại dịch vụ tài chính, nằm trong nhóm các khoản vay xanh và được thực hiện chủ yếu bởi hệ thống ngân hàng. TDX được hiểu là những khoản tín dụng mà ngân hàng cấp cho các nhu cầu tiêu dùng, dự án đầu tư, sản xuất - kinh doanh mà không gây rủi ro đến môi trường, bảo vệ môi trường, góp phần bảo vệ hệ sinh thái chung.

1.2. Tổng quan về phát triển tín dụng xanh

Theo Motoko Aizawa và Chaofei Yang thì để phát triển TDX thì các cơ quan bảo vệ môi trường của Trung Quốc và ngành ngân hàng cần xây dựng đủ năng lực để thực hiện chính sách TDX.

Theo Tổ chức Hợp tác quốc tế Cộng hòa Liên Bang Đức (GIZ), để phát triển TDX thì các ngân hàng cần cơ quan quản lý Nhà nước hỗ trợ về đào tạo, nguồn vốn, lãi suất và tiếp cận thông tin hay tạo ra một cơ chế khuyến khích kèm theo khung hướng dẫn và một số chính sách nới lỏng khác (ví dụ như giảm tỉ lệ dự trữ bắt buộc, cửa sổ tái chiết khấu,...) để các ngân hàng tham gia hoạt động TDX một cách tích cực hơn.

Tác giả Lại Văn Mạnh và cộng sự cũng đưa ra nhận định rằng để phát triển TDX thì các ưu đãi về thời hạn và chi phí vốn vay thực sự là rất cần thiết.

1.3. Tổng quan nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại

Kết quả nghiên cứu của Ngô Anh Phương trong Luận án tiến sĩ đã chỉ ra có 04 nhân tố ảnh hưởng thuận chiều tới sự phát triển NHX bao gồm: (1) Chính sách hỗ trợ của nhà nước; (2) Các yếu tố vĩ mô; (3) Nhu cầu đầu tư xanh của các tổ chức kinh doanh và (4) Năng lực tài chính của các ngân hàng.

Nguyễn Quốc Huy và cộng sự khi nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển TDX tại các NHTM Việt Nam đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua phỏng vấn với quy mô mẫu là 1050 cán bộ, nhân viên ngân hàng với phân tích mô hình phương trình cấu trúc (SEM) đã chỉ ra có 08 yếu tố có tác động tích cực đến phát triển TDX tại các NHTM bao gồm: (1)

Chính sách hỗ trợ, (2) Năng lực tài chính, (3) Chiến lược marketing, (4) Công nghệ ngân hàng, (5) Chất lượng nguồn nhân lực, (6) Quản trị rủi ro, (7) Khung pháp lý và (8) Chính sách môi trường ở mức ý nghĩa 5%.

Đặng Thị Minh Nguyệt và các cộng sự khi tiến hành nghiên cứu các lợi ích kinh tế - xã hội của triển khai tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam đã chỉ ra 02 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến triển khai tín dụng xanh: Yếu tố bên trong (Chiến lược kinh doanh; Chính sách, quy định của ngân hàng; Chất lượng cán bộ tín dụng; Công nghệ ngân hàng; Năng lực tài chính; Uy tín và thương hiệu; Hoạt động trách nhiệm xã hội trong doanh nghiệp của ngân hàng thương mại) và Yếu tố bên ngoài (Đặc điểm thị trường nơi ngân hàng hoạt động); Sự phát triển kinh tế; Môi trường pháp luật; Môi trường cạnh tranh giữa các ngân hàng; Chính sách và chương trình kinh tế của nhà nước; Yếu tố khách hàng).

Gần đây, tác giả Nguyễn Quốc Huy trong luận án tiến sĩ khi nghiên cứu phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam đã chỉ ra 08 yếu tố ảnh hưởng cùng chiều tới phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam bao gồm: (1) Chính sách hỗ trợ; (2) Năng lực tài chính; (3) Chiến lược Marketing; (4) Công nghệ ngân hàng; (5) Chất lượng nguồn nhân lực; (6) Quản trị rủi ro; (7) Khung pháp lý và (8) Chính sách môi trường.

1.4. Đánh giá chung về kết quả nghiên cứu của các công trình được tổng quan và khoảng trống nghiên cứu

1.4.1. Đánh giá chung về tổng quan nghiên cứu

Nhìn chung, các công trình đã tập trung nghiên cứu các vấn đề như:

- Nghiên cứu làm rõ hơn về cơ sở lý luận về TCX, NHX và TDX như đưa ra những khái niệm của TCX, NHX và TDX .
- Nghiên cứu tổng quát về phát triển TDX tại các NHTM.
- Nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển TDX tại các NHTM.

Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu này cho thấy nội dung cứu liên quan đến TDX trên thực tế vẫn còn phân tán với nhiều chủ đề nghiên cứu trải đều trên

các nội dung như lợi ích kinh tế xã hội triển khai TDX hay quản trị rủi ro trong phát triển TDX,...

1.4.2. Khoảng trống nghiên cứu

Thứ nhất, nhiều công trình nghiên cứu về phát triển TDX tại các NHTM chỉ dừng ở mô hình mô tả hay sử dụng phương pháp phân tích định tính thông qua chỉ tiêu tài chính dựa trên thông tin, tài liệu thứ cấp hoặc những phân tích đánh giá nhận định, thiếu bằng chứng định lượng về mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển của TDX.

Thứ hai, hầu hết các công trình nghiên cứu trước đây mới chỉ áp dụng lý thuyết tăng trưởng bền vững, chưa tích hợp lý thuyết hệ sinh thái kinh doanh trong việc xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX tại các NHTM.

Thứ ba, phần lớn các nghiên cứu này được tiến hành trong bối cảnh Việt Nam chưa ban hành Thông tư số 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022 và Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025.

Vì vậy, vẫn tồn tại khoảng trống nghiên cứu về việc đánh giá lại các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX trong điều kiện khung pháp lý mới được hoàn thiện, đặc biệt là cách thức các NHTM ở Việt Nam thích ứng với các yêu cầu về quản lý rủi ro, tiêu chí phân loại xanh.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG XANH TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

2.1. Các lý thuyết nền tảng

2.1.1. Lý thuyết hệ sinh thái kinh doanh

Lý thuyết hệ sinh thái kinh doanh được James Moore (1993) dựa trên lý thuyết hệ sinh thái của Arthur Tansley (1935) đã phát triển lên, các chủ thể tương tác, hợp tác và cạnh tranh nhằm tạo lập, phân bổ và duy trì giá trị, từ đó giải thích tính năng động, phụ thuộc lẫn nhau và khả năng tiến hóa của các tổ chức kinh tế trong môi trường toàn cầu hóa.

2.1.2. Lý thuyết phát triển bền vững (*Sustainable Development Theory*)

Lý thuyết phát triển bền vững là một khung lý thuyết nhằm đảm bảo rằng sự phát triển kinh tế và xã hội được thực hiện mà không gây hại đến môi trường tự nhiên, từ đó bảo vệ và duy trì các nguồn tài nguyên cho các thế hệ tương lai. Khái niệm này được xây dựng trên ba trụ cột chính: Kinh tế, xã hội và môi trường (WCED).

2.1.3. Kinh tế xanh

Kinh tế xanh được xem là mô hình phát triển kinh tế trong đó tăng trưởng, BVMT và tiến bộ xã hội được tích hợp chặt chẽ, hướng tới sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải carbon và bảo tồn hệ sinh thái (OECD, 2011) (Trần Thị Thanh Tú, 2020).

KTX là nền kinh tế sạch, thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính để giảm thiểu biến đổi khí hậu; kinh tế xanh là nền kinh tế tăng trưởng theo chiều sâu, sử dụng ít nhiên liệu, tăng cường các ngành công nghiệp sinh thái, đổi mới công nghệ.

2.2. Những vấn đề cơ bản về tín dụng xanh tại ngân hàng thương mại

2.2.1. Khái niệm tín dụng xanh

- Khái niệm TDX theo nghĩa rộng được hiểu là một công cụ tài chính mới bền vững, được tài trợ cho các hoạt động hướng tới bảo vệ môi trường, chống BĐKH.

- Khái niệm tín dụng xanh theo nghĩa hẹp được hiểu ngắn gọn chính là khoản tín dụng do NHTM tài trợ cho các dự án xanh, thân thiện với môi trường, hướng đến phát triển bền vững. Khái niệm về TDX giờ đây đã thu hẹp lại không chỉ là biểu hiện của công cụ tài chính xanh nữa mà là khoản TDX được tài trợ bởi NHTM cho các mục tiêu đầu tư, tiêu dùng hướng đến bảo vệ môi trường, giảm thải carbon, bảo vệ hệ sinh thái, đa dạng sinh học,...

Trong khuôn khổ đề tài của Luận án này, tác giả đề xuất sử dụng khái niệm TDX theo nghĩa hẹp. Theo đó TDX là khoản tín dụng được cấp bởi hệ thống NHTM cho nhu cầu tiêu dùng, các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh không gây rủi ro, hoặc nhằm mục đích bảo vệ môi trường, góp phần bảo vệ hệ sinh thái, chống BĐKH.

2.2.2. Phân loại, vai trò và đặc điểm của tín dụng xanh

- Phân loại tín dụng xanh:

TDX được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau nhưng trong Luận án này sẽ phân loại TDX thành 02 nhóm chính đặc trưng của TDX bao gồm: Lĩnh vực ngành nghề, Mục đích sử dụng.

- Vai trò của tín dụng xanh:

+ Xét về mặt vĩ mô:

Một là, TDX đóng vai trò là nhân tố thiết yếu, chủ chốt và là nền tảng cho việc hướng đến một nền kinh tế xanh phát triển bền vững.

Hai là, TDX giúp hạn chế đầu tư vào các ngành sử dụng nhiều năng lượng, điều chỉnh cơ cấu đầu tư và đạt được mục tiêu tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải carbon.

Ba là, TDX còn có vai trò góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính cho nền kinh tế thực.

Bốn là, TDX đóng vai trò là kênh tài trợ chính cho dự án xanh.

Năm là, TDX còn có vai trò trong trung hòa carbon, thúc đẩy đổi mới công nghệ mang tính đột phá.

Cuối cùng, TDX giúp điều hòa và dẫn dắt nguồn vốn, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ môi trường và chống BĐKH.

+ Xét về mặt vi mô:

Một là, TDX mang lại lợi nhuận cho các NHTM.

Hai là, TDX giúp các NHTM đa dạng hóa các loại sản phẩm xanh.

Ba là, TDX là động lực, tạo điều kiện để phát triển các dịch vụ ngân hàng khác.

- Đặc điểm của tín dụng xanh:

Một là, TDX được cấp cho các dự án sản xuất, kinh doanh xanh, không gây rủi ro đối với môi trường.

Hai là, Nguồn vốn được sử dụng để cấp TDX là nguồn vốn xanh

Ba là, Hoạt động cấp TDX của NHTM có liên quan đến nhiều cơ quan chức năng như Bộ Nông nghiệp và môi trường, Bộ Tài chính hay NHNN,...

Cuối cùng, các dự án TDX thường có thời gian hoàn vốn dài, lĩnh vực đầu tư thường áp dụng khoa học công nghệ mới trong việc xử lý môi trường, phát thải ít carbon, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro thị trường cao

- Về sản phẩm tín dụng xanh:

+ Về lĩnh vực nông nghiệp

+ Về lĩnh vực năng lượng tái tạo/năng lượng xanh

+ Về lĩnh vực lâm nghiệp

+ Về các lĩnh vực khác như tiêu dùng xanh, bất động sản xanh, dịch vụ môi trường hay chống BĐKH, quản lý nước bền vững, du lịch xanh, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính; xử lý chất thải, nhà máy nước; sản xuất-kinh doanh thân thiện với môi trường; thẻ tín dụng xanh

2.2.3. Phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại

2.2.3.1. Một số vấn đề lý luận về phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại

- Khái niệm về phát triển TDX:

Phát triển TDX là mở rộng quy mô hay gia tăng dư nợ TDX, phát triển thêm các sản phẩm TDX để đáp ứng nhu cầu khách hàng.

- Về mục tiêu phát triển tín dụng xanh:

(1) Tái cơ cấu và nâng cao chất lượng tổ chức TDX tại các NHTM.

(2) Cải thiện mức sống của người dân và thúc đẩy lối sống thân thiện với môi trường (Wen et al.);

(3) Đóng góp vào công cuộc xóa đói giảm nghèo mà không làm tổn hại đến tài nguyên thiên nhiên;

(4) Tìm kiếm, thẩm định và đầu tư vào các dự án xanh sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính và góp phần ứng phó hiệu quả với BĐKH;

(5) Hỗ trợ các quốc gia đang phát triển đạt được lợi ích kinh tế và xã hội.

- Lợi ích của phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại:

+ Về phương diện Quốc gia

+ Về phía cộng đồng và người tiêu dùng

+ Về phía các doanh nghiệp

2.2.3.2. Sự cần thiết và điều kiện để phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại

- Sự cần thiết của phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại:

TDX ra đời như là một nhu cầu tất yếu, là xu hướng tương lai của tín dụng ngân hàng.

- Các điều kiện cần để phát triển tín dụng xanh:

+ Một là về khung thể chế, chính sách cần hoàn thiện

+ Hai là nguồn vốn dành cho phát triển TDX cần phong phú, đa dạng

+ Ba là điều kiện thị trường và khách hàng.

2.2.3.3. Nội dung phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại

Tiếp cận theo Lý thuyết hệ sinh thái kinh doanh của James Moore thì nội dung phát triển TDX tại các NHTM sẽ xoay quanh 02 chủ thể chính, bao gồm:

(1) Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đóng vai trò kiến tạo thể chế và chính sách;

(2) Các NHTM là tác nhân vận hành, vừa cạnh tranh vừa hợp tác để phát triển TDX, qua đó tạo lập giá trị chung hướng đến tăng trưởng bền vững.

Về phía NHNN:

- Xây dựng, ban hành định hướng, chiến lược, kế hoạch và chương trình hành động thúc đẩy tín dụng xanh, phát triển bền vững.

- Xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách để khuyến khích, thúc đẩy phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại.

- Nâng cao năng lực thực thi, điều phối chính sách để triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát kết quả thực hiện phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại.

Cuối cùng, việc giám sát sẽ góp phần nâng cao uy tín của Ngân hàng trong lĩnh vực TDX.

Về phía NHTM, để phát triển TDX thì NHTM cũng cần:

- Hoàn thiện chiến lược và chính sách TDX.
- Mở rộng quy mô, đa dạng hóa sản phẩm TDX.
- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro – môi trường – xã hội.
- Tăng cường hợp tác, huy động và mở rộng nguồn vốn xanh.

2.2.3.4. Các tiêu chí đánh giá sự phát triển của tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại

- Đánh giá dựa trên số lượng sản phẩm TDX.
- Đánh giá dựa trên tăng trưởng dư nợ TDX.
- Đánh giá dựa trên tỷ trọng dư nợ TDX trên tổng dư nợ của một NHTM giữa năm sau và năm trước.
- Đánh giá dựa trên chất lượng của tín dụng xanh.

2.3. Nhân tố ảnh hưởng đến phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại

2.3.1. Chính sách tín dụng xanh của ngân hàng

2.3.1.1. Về chính sách tín dụng xanh của ngân hàng nhà nước

CSTDX của NHNN là cơ sở pháp lý, nền tảng rất quan trọng để các NHTM xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể phù hợp với quy mô, định hướng và nguồn lực của chính NHTM để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, mang lại lợi nhuận và nâng cao năng lực cạnh tranh của NHTM.

2.3.1.2. Về chính sách tín dụng xanh của ngân hàng thương mại

CSTDX của NHTM được hiểu là hệ thống các nguyên tắc, tiêu chí và quy trình quản trị do NHTM xây dựng nhằm định hướng, thẩm định và kiểm soát hoạt động cho vay gắn với tiêu chí môi trường – xã hội, hướng đến mục tiêu PTBV. Cấu trúc chính sách tín dụng của NHTM gồm 04 thành phần chủ yếu, cụ thể:

- (1) Mục tiêu và phạm vi tín dụng
- (2) Quy trình thẩm định và phê duyệt
- (3) Chính sách lãi suất và giá vốn
- (4) Chính sách kiểm soát rủi ro và giám sát sau vay

2.3.2. Về năng lực tài chính của ngân hàng thương mại

Năng lực tài chính của NHTM (NLTC) là khả năng duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả trên cơ sở quản lý vốn, tài sản, rủi ro và lợi nhuận một cách bền vững.

2.3.3. Về năng lực của cán bộ, nhân viên ngân hàng thương mại

NLCB là một phạm trù tổng hợp giữa trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức và khả năng thích ứng nhằm thực hiện hiệu quả công việc trong môi trường ngân hàng hiện đại.

2.3.4. Về chuyển đổi số của ngân hàng thương mại

Chuyển đổi số (CDS) trong ngành ngân hàng là quá trình ứng dụng công nghệ số vào toàn bộ hoạt động của ngân hàng nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, tối ưu trải nghiệm khách hàng và phát triển mô hình kinh doanh số.

2.3.5. Về khả năng tiếp cận nguồn vốn xanh của các ngân hàng thương mại

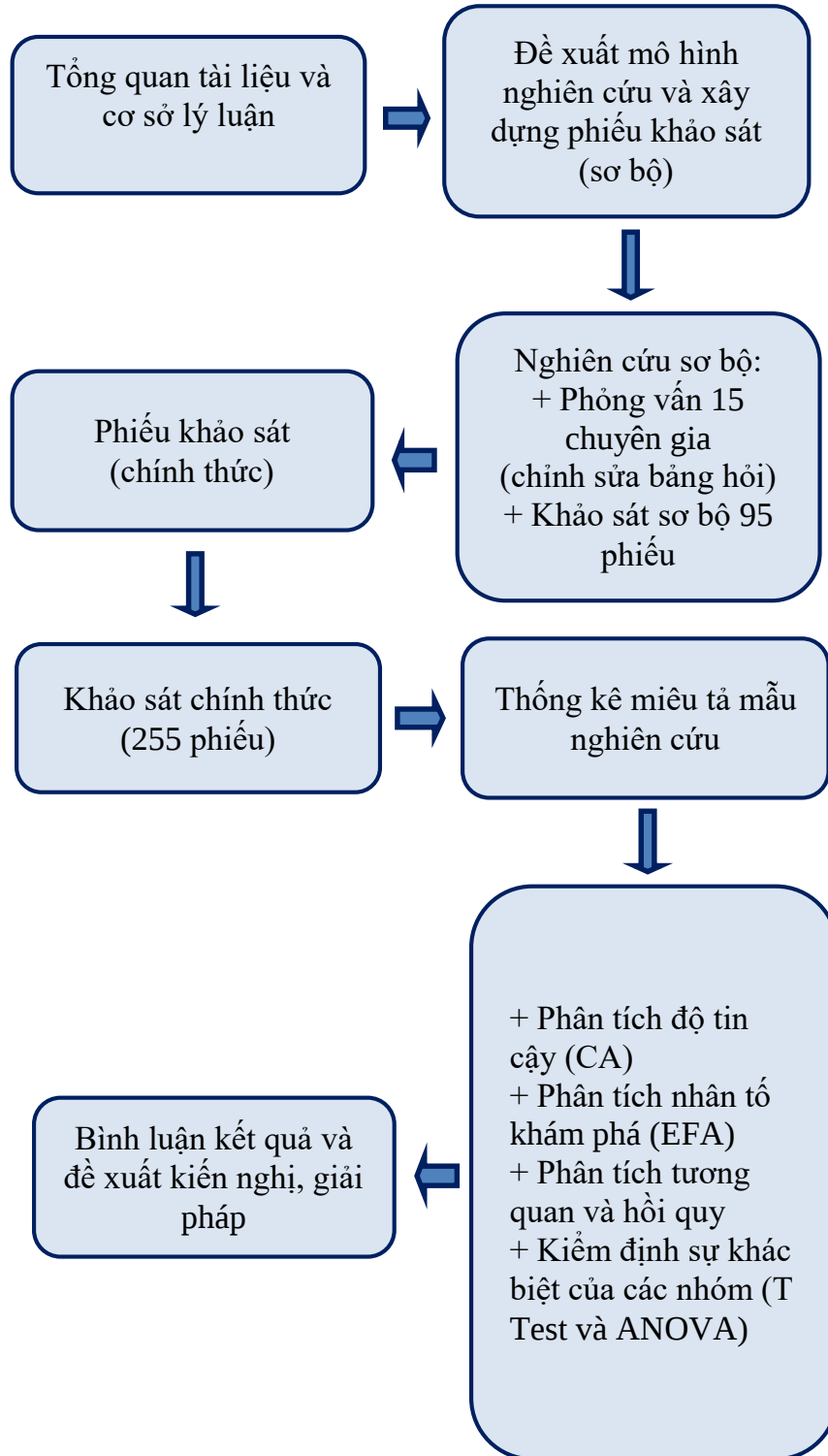
Khả năng tiếp cận nguồn vốn xanh (TCVX) của các NHTM là khả năng của NHTM trong việc huy động, vay từ các tổ chức, cá nhân/pháp nhân trong nước hoặc quốc tế để tạo nguồn vốn xanh tái phân bổ lại cho các khách hàng, các dự án có nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh xanh.

Chương 3

QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Quy trình nghiên cứu

Hình 3.1 trình bày quy trình nghiên cứu của luận án

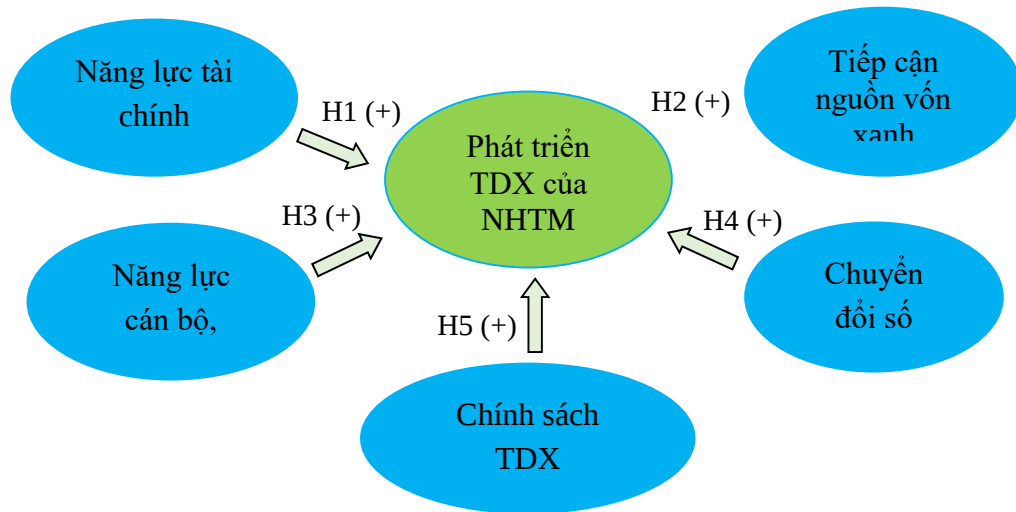


Nguồn: NCS đề xuất

Hình 3.1. Quy trình nghiên cứu

3.2. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Hình 3.2 dưới đây trình bày mô hình nghiên cứu của luận án



Hình 3.2. Mô hình nghiên cứu

3.3. Phương pháp nghiên cứu định tính

3.3.1. Mục tiêu và nội dung của nghiên cứu định tính

3.3.2. Kết quả nghiên cứu định tính

Các chuyên gia tham gia phỏng vấn góp ý điều chỉnh tập trung vào việc bổ sung, chỉnh sửa thang đo các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX của các NHTM tại Việt Nam.

3.4. Các biến và thang đo

3.4.1. Năng lực tài chính của ngân hàng thương mại

3.4.2. Năng lực cán bộ, nhân viên của ngân hàng thương mại

3.4.3. Mức độ chuyển đổi số của ngân hàng thương mại

3.4.4. Khả năng tiếp cận vốn xanh của các ngân hàng thương mại

3.4.5. Chính sách tín dụng xanh của ngân hàng

3.4.6. Phát triển tín dụng xanh

3.5. Phương pháp nghiên cứu định lượng

3.5.1. Phương pháp điều tra khảo sát sử dụng bảng hỏi

3.5.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

3.5.2.1. Phương pháp phân tích thống kê mô tả

3.5.2.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

3.5.2.3. *Phân tích nhân tố khám phá*

3.5.2.4. *Phân tích tương quan*

3.5.2.5. *Phân tích hồi quy đa biến*

3.5.2.6. *Kiểm định T test và ANOVA*

3.5.3. *Kết quả nghiên cứu định lượng sơ bộ*

3.5.3.1. *Đánh giá thang đo năng lực tài chính của ngân hàng thương mại*

3.5.3.2. *Đánh giá thang đo năng lực cán bộ, nhân viên*

3.5.3.5. *Đánh giá thang đo mức độ chuyển đổi số của NHTM*

3.5.3.2. *Đánh giá thang đo khả năng tiếp cận vốn xanh của các NHTM*

3.5.3.6. *Đánh giá thang đo Chính sách tín dụng xanh của ngân hàng*

3.5.3.7. *Đánh giá thang đo phát triển tín dụng xanh của NHTM*

Chương 4

PHÂN TÍCH NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG XANH TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

4.1. Khái quát về hệ thống các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

4.1.1. *Mạng lưới các ngân hàng thương mại ở Việt Nam*

4.1.2. *Quy mô tài sản của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam*

Theo NHNN, tính đến thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản của hệ thống các TCTD cuối năm 2024 đạt hơn 23,82 triệu tỷ đồng, tăng 13,94% so với thời điểm cuối năm 2023.

Như vậy, tổng tài sản và dư nợ tín dụng của khối NHTMNN đạt 9,62 triệu tỷ và 6,88 triệu tỷ, chiếm lần lượt là 58,7% và 58% so với nhóm G14. Tổng tài sản và dư nợ tín dụng của khối NHTMCP đạt 6,78 triệu tỷ và 4,99 triệu tỷ, chiếm lần lượt là 41,3% và 42,0% so với nhóm G14.

4.1.3. *Tình hình hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam*

4.1.3.1. *Hoạt động huy động vốn*

Theo Báo cáo tóm tắt ổn định tài chính năm 2023 của NHNN thì nguồn huy động từ các tổ chức kinh tế và dân cư đạt xấp xỉ 14,6 triệu tỷ đồng, tăng 13,2%, cao hơn so với mức tăng của các năm gần đây. Tiền gửi tiết kiệm của

nhóm khách hàng cá nhân hết năm đạt 6,5 triệu tỷ đồng, tăng 11,4% so với thời điểm cùng kỳ năm trước.

4.1.3.2. Quy mô và tăng trưởng tín dụng

Năm 2024, quy mô tín dụng nền kinh tế đạt trên 15,6 triệu tỷ đồng, tăng 15,08% so với cuối năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 tăng 13,64% so với cuối năm 2022; cuối năm 2023 tăng 13,78% so với cuối năm 2022).

4.1.3.3. Tỷ lệ an toàn vốn

Năm 2023, Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của các TCTD áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN tăng nhẹ, từ 11,68% lên 11,75% do các NHTM đã đẩy mạnh việc trả cổ tức bằng cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ, cải thiện tỷ lệ CAR.

4.1.3.4. Thu nhập hoạt động

Lợi nhuận trước thuế lũy kế năm 2024 của 27 ngân hàng trên sàn giao dịch chứng khoán đạt 299.377 tỷ đồng, tăng 18% so với năm trước, nhờ tổng thu nhập tăng cao hơn chi phí.

4.2. Thực trạng phát triển tín dụng xanh của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

4.2.1. Kết quả phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

Tính đến 31/12/2024, dư nợ TDX đạt trên 679 nghìn tỷ đồng, tăng 9,37% so với cuối năm 2023, chiếm tỷ trọng trên 4,3% tổng dư nợ toàn nền kinh tế, tập trung chủ yếu vào các ngành năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (chiếm hơn 41%) và nông nghiệp xanh (trên 29%).

Đối với các NHTM trong nhóm G14, tính đến thời điểm 31/12/2024, về tổng dư nợ TDX của nhóm G14 đạt 387,7 ngàn tỷ đồng, chiếm 57% dư nợ TDX của toàn hệ thống TCTD. Trong đó, khối NHTMNN có dư nợ TDX đạt 200,47 ngàn tỷ đồng, chiếm 51,7% dư nợ TDX nhóm G14; khối NHTMCP có dư nợ TDX là 187,23 ngàn tỷ đồng, chiếm 48,3% dư nợ TDX nhóm G14.

4.2.2. Thực trạng triển khai tín dụng xanh theo lĩnh vực ngành nghề

Tính đến hết 30/9/2024, Dư nợ TDX của 03 lĩnh vực Nông nghiệp xanh; Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và Quản lý nước bền vững tại khu vực đô

thị và nông thôn chiếm trên 84,7% Tổng dư nợ TDX của hệ thống NHTM. Trong đó, lĩnh vực Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch chiếm tỷ trọng lớn nhất với 43,4%, Nông nghiệp xanh chiếm 30,5% và Quản lý nước bền vững chiếm 10,8%.

4.3. Thực trạng các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

4.3.1. Thực trạng về năng lực tài chính của ngân hàng thương mại

Năm 2023, tổng tài sản toàn hệ thống đạt 20,07 triệu tỷ đồng, tăng 9,8% so với cuối năm 2022, trong khi tổng vốn điều lệ đạt 01 triệu tỷ đồng, tăng 14,3% so với cùng kỳ. Đến cuối năm 2024, tổng tài sản toàn hệ thống đạt 23,82 triệu tỷ, tăng 13,94% so với năm 2023. Tỷ lệ dự trữ thanh khoản của các TCTD có xu hướng cải thiện, tăng từ 16,6% cuối năm 2020 lên mức 18,6% cuối năm 2023. Lợi nhuận sau thuế của các TCTD đến tháng 11/2024 tăng +282,07% so với cùng kỳ năm 2023, trong khi Tổng tài sản bình quân tăng +13,46%; Vốn chủ sở hữu giảm -6,22%

4.3.2. Thực trạng về năng lực cán bộ, nhân viên của ngân hàng thương mại

Hiện nay, đội ngũ cán bộ, nhân viên của NHTM hầu hết vẫn còn thiếu kinh nghiệm, kỹ năng và kiến thức trong việc quản lý rủi ro môi trường - xã hội. Một số trường hợp có kiểm tra công nghệ xử lý chất thải và kế hoạch di dân (nếu có), nhưng phần lớn vẫn phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân của người thẩm định (Ngô Anh Phương).

4.3.3. Thực trạng về Chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng

Năm 2023, hơn 95% NHTM tại Việt Nam đã và đang triển khai chiến lược chuyển đổi số, trong đó nhiều NHTM đã ra mắt ngân hàng số hoàn toàn như Timo, Cake, TNEX và Ubank.

4.3.4. Thực trạng về Khả năng tiếp cận nguồn vốn xanh của ngân hàng thương mại

Hệ thống NHTM tại Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc tiếp cận và triển khai nguồn vốn xanh. Tuy nhiên, quá trình này vẫn gặp nhiều

thách thức liên quan đến cơ chế chính sách, khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp, cũng như nhận thức về TCX.

4.3.5. Thực trạng chính sách tín dụng xanh của ngân hàng

Hiện nay, hệ thống ngân hàng tại Việt Nam đã xây dựng, ban hành và triển khai nhiều chính sách nhằm thúc đẩy phát triển TDX, tập trung vào việc hỗ trợ tài chính cho các dự án thân thiện với môi trường, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

4.4. Kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

4.4.1. Kết quả phân tích

4.4.1.1. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

4.4.1.2. Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

4.4.1.3. Kết quả phân tích nhân tố khám phá

4.4.1.4. Kết quả kiểm định giá trị trung bình

4.4.1.5. Kết quả phân tích tương quan và hồi quy

Mô hình hồi quy phản ánh tác động của các nhân tố đến PTTDX như sau:

$$\text{PTTDX} = -695 + 0,272 * \text{NLTC} + 0,168 * \text{NLCB} + 0,086 * \text{CDS} + 0,139 * \text{TCVX} + 0,495 * \text{CSTDx}$$

4.4.1.6. Kết quả kiểm định giả thuyết thống kê

4.5. Đánh giá chung về thực trạng nhân tố ảnh hưởng đến phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam hiện nay

4.5.1. Kết quả đạt được

Luận án đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, rút ra được 06 yếu tố, trong đó 05 yếu tố độc lập và một yếu tố phụ thuộc (PTTDX), như vậy 05 yếu tố đại diện cho 05 biến độc lập bao gồm: (1) Năng lực tài chính của NHTM; (2) Năng lực của cán bộ, nhân viên NHTM; (3) Chuyển đổi số của NHTM; (4) Khả năng tiếp cận nguồn vốn xanh của NHTM; (5) Chính sách TDX của ngân hàng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhân tố CSTDx có hệ số chuẩn hóa cao nhất (0,495) và mức ý nghĩa là 0,000, cho thấy đây là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng

đến phát triển TDX. Tiếp đến là NLTC với hệ số chuẩn hóa mang dấu dương (0,272) và mức ý nghĩa là 0,000; nhân tố NLCB có hệ số chuẩn hóa dương (0,168) và mức ý nghĩa là 0,001; Tương tự, hệ số chuẩn hóa của TCVX, CDS đều mang dấu dương lần lượt là 0,139 và 0,086 với mức ý nghĩa là 0,012 và 0,008 (đều <0,05). Điều này cho biết TCVX và CDS đều có tác động cùng chiều đến phát triển TDX tại các NHTM Việt Nam.

Kết quả của nghiên cứu này một lần nữa đã chứng tỏ đảm bảo yếu tố khoa học, khách quan, phù hợp với thực tiễn.

4.5.2. Một số tồn tại, hạn chế

4.5.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Chương 5

ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG XANH TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

5.1. Bối cảnh và định hướng của Việt Nam trong việc phát triển ngân hàng xanh và tín dụng xanh

5.1.1. Bối cảnh quốc tế

5.1.2. Bối cảnh trong nước

5.2. Quan điểm và định hướng phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh và tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

5.2.1. Quan điểm về phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh và tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

5.2.1.1. Chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững

5.2.1.2. Hành động của Chính phủ về phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững

5.2.2. Định hướng phát triển triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

5.2.2.1. Về phía Ngân hàng nhà nước

5.2.2.2. Về phía các ngân hàng thương mại

5.3. Một số khuyến nghị, giải pháp góp phần phát triển triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

5.3.1. Đối với Ngân hàng Nhà nước

Một là, xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách để thúc đẩy sự phát triển triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại

Hai là, khuyến khích, hỗ trợ NHTM đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm thúc đẩy phát triển TDX tại các NHTM

Ba là, tăng cường đào tạo để nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ nhân viên ngân hàng

Bốn là, tích cực, chủ động đẩy mạnh phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam

Năm là, chủ động, tích cực phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các Bộ/Ngành/Địa phương có liên quan khác thúc đẩy phát triển TDX

5.3.2. Đối với các ngân hàng thương mại

Dựa trên kết quả định lượng đã chỉ ra kết hợp với nền tảng cơ sở lý luận ở Chương 2 và trên cơ sở của những khó khăn, vướng mắc hay tồn tại về thực trạng các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển TDX thì để phát triển TDX tại các NHTM thì cần phải thúc đẩy NHTM chủ động xây dựng, hoàn thiện chính sách phát triển TDX của NHTM; Nâng cao NLTC; NLCB; TCVX; CDS.

KẾT LUẬN

Luận án đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Về mặt lý luận, Luận án đã tổng quan hệ thống lý luận về TDX, NHX, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển TDX tại các NHTM và đã đưa ra lựa chọn khái niệm TDX theo nghĩa hẹp, thực trạng phát triển TDX tại các NHTM và định hướng, giải pháp về phát triển TDX trong thời gian tới.

Về mặt thực tiễn, Luận án đã phân tích các số liệu về dư nợ TDX giai đoạn 2018-2025, chỉ ra được chiều hướng và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố tới phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam. Từ đó, có những gợi mở chính sách để khuyến khích, thúc đẩy phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam.

Hạn chế của Luận án được ghi nhận trên 04 phương diện chính:

Thứ nhất, hạn chế về phạm vi và quy mô khảo sát

Thứ hai, kích thước mẫu khảo sát chưa thực sự lớn và phân bố chưa đều giữa các khu vực địa lý.

Thứ ba, phương pháp phân tích định lượng chủ yếu dựa trên hồi quy tuyến tính.

Thứ tư, các biến đo lường trong mô hình vẫn còn giới hạn, chưa bao gồm đầy đủ các nhân tố có tính chất hệ thống như thể chế, kinh tế vĩ mô, môi trường,...

Trong các nghiên cứu tiếp theo, đề tài có thể sẽ mở rộng phạm vi và thời gian nghiên cứu, đồng thời kết hợp phương pháp định lượng và định tính nâng cao để đánh giá toàn diện hơn tác động của từng nhân tố, từ đó tiếp tục hoàn thiện mô hình và kiến nghị phù hợp hơn với bối cảnh thực tiễn phát triển TDX tại các NHTM ở Việt Nam.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ CỦA NGHIÊN CỨU SINH

1. Doãn Khánh Tài (2025), “Thực trạng và giải pháp phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính – Bộ Tài chính*, Kỳ 1 tháng 7/2025(852), tr.93-96.
2. Doãn Khánh Tài (2025), “Mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo – Bộ Tài chính*, số 12/2025, tr.38-41.
3. Doãn Khánh Tài (2025), “Khung pháp lý cho phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo – Bộ Tài chính*, số 13/2025, tr.26-30.